

## **Giải bài tập Tiếng Anh lớp 9 Chương trình mới Unit 10 SKILLS 2, LOOKING BACK - PROJECT**

**Unit 10 lớp 9: Skills 2** (phần 1 → 6 trang 55 SGK Tiếng Anh 9 mới - thí điểm)

**1. Look at the pictures and discuss with your partner what is happening in them. Can you guess what the recording is about? Now listen and check.** *(Nhìn vào những bức tranh và thảo luận với bạn của mình cái gì đang xảy ra trong đó. Bạn có đoán bài ghi âm nói về cái gì không? Bây giờ nghe và kiểm tra.)*



The recording is about space tourism.

**2. Listen again then answer the questions with NO MORE THAN THREE WORDS.** *(Nghe lần nữa và trả lời câu hỏi với không hơn 3 từ.)*

1. recreational, leisure, business ( giải trí, thư giãn, kinh doanh)
2. International Space Station( Trạm không gian thế giới)
3. "Spacewalk"
4. manned spaceflight ( chuyến bay vào không gian có người lái)

5. costly, dangerous, unsustainable( tốn kém, nguy hiểm, không chắc chắn)

**3. Match the numbers to their references, then listen and check your answers.** (Nối những con số với tư liệu của chúng, sau đó nghe và kiểm tra câu trả lời.)

1.D	2.C	3.A	4.E	5.B
-----	-----	-----	-----	-----

Dreaming of a holiday sunbathing on Mars, or playing some sports at a lunar resort and spa? While it may take decades for these ideas to come true, space tourism, which is space travel for recreational, leisure, or business purposes is becoming more realistic. Since 2001, the American company Space Adventures has flown tourists to the International space Station to live and work alongside professional astronauts for up to 10 days. The company now offers a service called 'Spacewalk' where clients can leave the ISS and float above the Earth. It also plans to launch by 2018 its 'Circumlunar Mission', which takes clients to within 100 kilometres of the moon's surface. Virgin Galactic, the world's first spaceline, has been preparing to launch its first manned spaceflight. By 2015, almost 700 people from more than 50 different countries have paid deposits at the price of \$250,000 per ticket. The possibility of travelling into space sounds wonderful, but it has been criticised as well. People say it's costly, dangerous, and unsustainable, since its growth could cause environmental problems including speeding up global warming.

**4. Look at these advertising examples from websites of some space tourism companies. Underline the words/phrases that you think make the advertisements sound persuasive.** (Nhìn vào những ví dụ quảng cáo từ trang web của một công ty du lịch không gian. Gạch dưới những từ/ cụm từ mà bạn nghĩ rằng làm cho bài quảng cáo có sức thuyết phục hơn.)

"Become a lunar explorer. Join the greatest private expedition of our time."

"An amazing, life-changing experience."

"Ready To Become An Astronaut?"

**5. Can you guess what is being advertised? Find the answer in the box.** (Bạn có thể đoán cái gì đang được quảng cáo không? Điền câu trả lời và khung.)

1. a bakery slogan	2. a shampoo product	3. a coffee product	4. a fuel-efficient car	4. a fuel-efficient car	6. a chocolate product
--------------------	----------------------	---------------------	-------------------------	-------------------------	------------------------

**6. Write a short ad (2-4 sentences) to advertise these products. You can use strong adjectives, active verbs, imperatives, comparatives questions, etc.** (Viết một bài quảng cáo ngắn 2- 4 câu để quảng cáo những sản phẩm này. Bạn có thể sử dụng những tính từ nhấn mạnh, câu ra lệnh, câu hỏi so sánh, vân vân)

- a. Watch miracles happen as our extra-mild detergent removes all your stubborn stains! An excellent way to protect your clothes.
- b. Have you tried our new delicious and healthy yoghurt? Its tasty freshness will brighten your day!
- c. The most stylish bicycle ever. Designed with you in mind.

**Unit 10 lớp 9: Looking back** (phần 1 → 6 trang 56-57 SGK Tiếng Anh 9 mới - thí điểm)

**1. Complete the sentences using the prompts provided.** (Hoàn thành những câu sau sử dụng từ gợi ý.)

1. satellite	2. parabolic flight	3. habitable	4. attach	5. spacecraft	6. meteorites
-----------------	------------------------	-----------------	--------------	------------------	------------------

1. Vinasat -1 là vệ tinh viễn thông đầu tiên của Việt Nam, cái đã được phóng vào năm 2008.
2. Trải nghiệm trạng thái không trọng lực trên chuyến bay mô phỏng là một phần của chương trình đào tạo phi hành gia.
3. Năm 2015 NASA đã khám phá một hành tinh giống Trái Đất cái mà có thể sinh sống được vì nó có những điều kiện phù hợp để cung cấp nước và thậm chí có sự sống.
4. Ở ISS các phi hành gia phải dính chặt họ lại với nhau để mà họ không trôi lơ lửng xung quanh.
5. Rẻ hơn để xây một tàu vũ trụ không người lái so với có người lái.
6. Một trong những mẫu thiên thạch lớn nhất trên Trái Đất là Hoba từ tây nam châu Phi, nặng khoảng 54,000kg.

**2. Which verbs go with which phrases?** (Động từ nào đi với các cụm từ sau.)

1.f	2.d	3.e	4.a	5.c	6.b
-----	-----	-----	-----	-----	-----

**3. Complete the following tasks, using the perfect.** (Hoàn thành những bài tập sau, dùng thì hoàn thành.)

- a. These are the things that Jack had done before his birthday party last week. Report them to your partner. (Đây là những việc mà Jack đã làm trước bữa tiệc sinh nhật tuần trước. Kể lại với bạn của mình)

He had cleaned the house.

He had made a cake.

He had hung up balloons.

He had bought candles.

He had selected a nice music playlist.

He had chosen a funny movie.

**b. Look at the following training tasks that Mai had completed before she became a professional astronaut. Report them to your partner.** *(Nhìn vào những bài luyện tập sau mà Mai đã hoàn thành trước khi trở thành phi hành gia chuyên nghiệp. Kể lại với bạn của bạn.)*

She had passed a swimming test.

She had learnt about the ISS.

She had taken parabolic flights.

She had studied spacecraft systems.

She had experienced microgravity.

She had tried crew activities.

**4. Circle the best answer.** *(Khoanh tròn đáp án.)*

1.X	2.who	3.which	4.X	5.where	6.that
-----	-------	---------	-----	---------	--------

### Hướng dẫn dịch

1. Một chuyến đến thăm ISS sẽ là một trải nghiệm đáng nhớ mà bạn sẽ không bao giờ quên.
2. Bạn đã nói chuyện với học sinh giành giải vô địch karate năm nay chưa? Anh ấy ở đẳng cấp kia.
3. Bạn đã từng nghe về Kepler-186f chưa? Nó là một hành tinh có kích cỡ tương tự Trái đất.
4. The Martian? Đó chính xác là một bộ phim mà mình đã từng đọc qua! - Phúc nói.
5. Chúng ta có thể gặp nhau ở quán cà phê mà chúng ta đã gặp nhau lần cuối không?
6. Trở thành một phi hành gia là một ngành nghề cần đào tạo nhiều.

**5. GAME: THE LONGEST SENTENCE IN THE WORLD!** (Trò chơi: câu dài nhất trên thế giới.)

This is a footballer who comes from Britain...

...who used to play for Manchester United...

...who is married to a famous singer...

...who has four children...

It's David Beckham!

**6. Role-play. In groups of four, take turns to be two interviewers for 4Teen radio station and two astronauts who have spent time on the ISS. The interview should focus on daily life on the ISS.** (Phân vai. Nhóm 4 người thay phiên nhau trong hai cuộc phỏng vấn cho đài phát thanh 4Teen và hai phi hành gia đã từng ở ISS. Buổi phỏng vấn nên tập trung vào đời sống hằng ngày trên ISS.)

**Unit 10 lớp 9: Project** (phần 1 trang 57 SGK Tiếng Anh 9 mới - thí điểm)

**Imagine you are working for a space tourism company. Your company plans to launch a new tour to one of planets in our solar system. Look at A CLOSER LOOK 1, Activity 4 again and choose one planet. Design a presentation to promote the tour. Present your tour 5-7 minutes to the class. How many clients want to take your tour?** (Tưởng tượng bạn đang làm việc cho một công ty du lịch không gian. Công ty của bạn lên kế hoạch mở một chuyến du lịch mới đến một trong những hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta. Thiết kế một bài thuyết trình để quảng bá tour đó. Trình bày tour 5-7 phút trước lớp. Có bao nhiêu khách hàng muốn tham gia tour)

Discuss with your group: ( Thảo luận với nhóm)

What makes the planet an attractive tourist destination?

What are the highlights of the tour? What will clients experience?

How do they they prepare for the trip? (What training must they do? What should they pack?)

How much does it cost?

How enviroment-friendly is the tour?

Remember to:

- use effective advertising language
- summarise ideas in bullet points

- include attractive visuals such as pitures, colours, letter fonts and sizes, etc.

VnDoc.com